



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2025

Số: 2587/MB-HS

V/V: Công bố thông tin về tình hình tài
chính

Kính gửi: - Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
- Quý Nhà đầu tư

Căn cứ quy định tại Thông tư số 76/2024/TT-BTC ngày 06/11/2024 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ công bố thông tin và báo cáo về chào bán, giao dịch trái phiếu riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế, Ngân hàng TMCP Quân đội (MB) gửi nội dung công bố thông tin định kỳ về tình hình tài chính như sau:

1. Thông tin doanh nghiệp:

- Tên doanh nghiệp: **Ngân hàng Thương mại cổ phần Quân Đội**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0100283873 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 30/09/1994, thay đổi lần thứ 54 ngày 16/05/2024
- Giấy phép thành lập và hoạt động: Giấy phép thành lập và hoạt động lần đầu số 0054/NH-GP ngày 14/09/1994, thay thế bằng giấy phép số 100/GP-NHNN ngày 16 tháng 10 năm 2018 và các quyết định sửa đổi bổ sung.
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 18 Lê Văn Lương, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội
- Số điện thoại: 024.6266.1088
- Số Fax giao dịch: 024.6266.1080
- Địa chỉ thư điện tử: info@mbbank.com.vn
- Loại hình doanh nghiệp: Công ty đại chúng
- Lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính:

Ngân hàng thương mại cổ phần Quân Đội được thực hiện các hoạt động của loại hình ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật và của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, gồm các hoạt động sau đây:

- 1) Nhận tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm và các loại tiền gửi khác.
- 2) Cấp tín dụng dưới các hình thức sau đây:
 - a) Cho vay;
 - b) Chiết khấu, tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng và giấy tờ có giá khác;
 - c) Bảo lãnh ngân hàng;
 - d) Phát hành thẻ tín dụng;
 - đ) Bao thanh toán trong nước.
- 3) Mở tài khoản thanh toán cho khách hàng.

AD



- 4) Cung ứng dịch vụ thanh toán trong nước:
- a) Cung ứng phương tiện thanh toán;
 - b) Thực hiện dịch vụ thanh toán séc, lệnh chi, ủy nhiệm chi, nhờ thu, ủy nhiệm thu, thư tín dụng, thẻ ngân hàng, dịch vụ thu hộ và chi hộ.
- 5) Mở tài khoản:
- a) Mở tài khoản tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
 - b) Mở tài khoản tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác.
- 6) Tổ chức thanh toán nội bộ, tham gia hệ thống thanh toán liên ngân hàng quốc gia.
- 7) Dịch vụ quản lý tiền mặt, tư vấn ngân hàng, tài chính; các dịch vụ quản lý, bảo quản tài sản, cho thuê tủ, két an toàn.
- 8) Tư vấn tài chính doanh nghiệp, tư vấn mua, bán, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp và tư vấn đầu tư.
- 9) Tham gia đấu thầu, mua, bán tín phiếu Kho bạc, công cụ chuyển nhượng, trái phiếu Chính phủ, tín phiếu Ngân hàng Nhà nước và các giấy tờ có giá khác trên thị trường tiền tệ.
- 10) Mua, bán trái phiếu Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp.
- 11) Dịch vụ môi giới tiền tệ.
- 12) Phát hành chứng chỉ tiền gửi, kỳ phiếu, tín phiếu, trái phiếu để huy động vốn theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng, Luật Chứng khoán, quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
- 13) Vay vốn của Ngân hàng Nhà nước dưới hình thức tái cấp vốn theo quy định của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
- 14) Vay, cho vay, gửi, nhận gửi vốn của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức tài chính trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
- 15) Góp vốn, mua cổ phần theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
- 16) Ủy thác, nhận ủy thác, đại lý trong lĩnh vực liên quan đến hoạt động ngân hàng, kinh doanh bảo hiểm, quản lý tài sản theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
- 17) Kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối trên thị trường trong nước và trên thị trường quốc tế trong phạm vi do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định.
- 18) Kinh doanh, cung ứng sản phẩm phái sinh lãi suất.
- 19) Lưu ký chứng khoán.
- 20) Kinh doanh mua, bán vàng miếng.
- 21) Ví điện tử.
- 22) Cung ứng sản phẩm phái sinh giá cả hàng hóa.
- 23) Mua nợ.
- 24) Kinh doanh giấy tờ có giá theo quy định của pháp luật.
- 25) Đầu tư hợp đồng tương lai trái phiếu Chính phủ.
- 26) Các hoạt động khác (sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận).

- Mã số thuế: 0100283873



2. Tình hình tài chính:

- Kỳ báo cáo: năm 2024 (từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/12/2024)
- Các chỉ tiêu tài chính cơ bản của doanh nghiệp trong kỳ báo cáo (Bảng 01)

CHỈ TIÊU	Kỳ trước (31/12/2023)	Kỳ báo cáo (31/12/2024)
1. Vốn chủ sở hữu (triệu đồng)	96.711.159	117.059.581
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu (Vốn của TCTD)	54.938.426	56.295.833
- Các quỹ trích từ lợi nhuận sau thuế	12.193.931	14.996.847
- Chênh lệch tỷ giá	45.939	137.797
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	25.559.753	40.718.224
- Chênh lệch đánh giá lại tài sản	0	0
- Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	3.973.110	4.910.880
2. Tổng số nợ phải trả (triệu đồng)	848.242.481	1.011.741.481
- Nợ vay các tổ chức tín dụng khác (*)	30.997.583	30.653.975
- Nợ vay từ phát hành trái phiếu	22.841.617	37.471.472
+ Trái phiếu chào bán riêng lẻ tại thị trường trong nước	22.841.617	34.818.659
+ Trái phiếu chào bán ra công chúng tại thị trường trong nước	0	2.652.813
+ Trái phiếu chào bán ra thị trường quốc tế	0	0
- Nợ phải trả khác	794.403.281	943.616.034
+ Các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước	8.738	8.156.285
+ Tiền gửi của các tổ chức tín dụng khác	68.812.883	79.515.610
+ Tiền gửi của khách hàng	567.532.577	714.154.479
+ Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	0	191.545
+ Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro	2.799.863	2.793.453
+ Phát hành Chứng chỉ tiền gửi	103.621.493	91.492.561
+ Các khoản lãi, phí phải trả	13.390.191	9.899.902
+ Các khoản phải trả và công nợ khác	38.236.542	37.411.147
+ Dự phòng các khoản nợ khác	994	1.052
3. Cơ cấu vốn (lần):		
- Hệ số nợ phải trả/ tổng tài sản	0,90	0,90
- Hệ số nợ phải trả/ Vốn chủ sở hữu	8,77	8,64
4. Khả năng thanh toán (lần):		
- Hệ số thanh toán ngắn hạn (tài sản ngắn hạn/nợ ngắn hạn)		Các hệ số khả năng thanh toán này có ý nghĩa tương đương Nhóm hệ số khả năng thanh toán của Tổ chức tín dụng theo quy định của Ngân hàng Nhà nước, được trình bày tại bảng 03.
- Hệ số thanh toán nhanh ((Tài sản ngắn hạn – hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn)		
- Hệ số thanh toán lãi vay (lợi nhuận trước thuế và lãi vay/lãi vay)		

5. Dư nợ trái phiếu đã phát hành/vốn chủ sở hữu (lần):		
- Hệ số Tổng dư nợ trái phiếu doanh nghiệp/vốn chủ sở hữu (lần)	0,24	0,32
- Hệ số dư nợ TP phát hành riêng lẻ/Vốn chủ sở hữu (lần)	0,24	0,30
6. Lợi nhuận (triệu đồng):		
- Lợi nhuận/Lỗ trước thuế	26.306.089	28.829.328
- Lợi nhuận/Lỗ sau thuế trong năm tài chính	21.053.792	22.951.264
- Lỗ Lũy kế (nếu có)		
7. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời (%):		
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/tổng tài sản (%)	2,52	2,21
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ vốn chủ sở hữu (%)	23,88	21,47
8. Các chỉ tiêu an toàn tài chính, tỷ lệ bảo đảm an toàn vốn theo quy định của pháp luật chuyên ngành tổ chức tín dụng	Chi tiết tại bảng 03	

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2024 của MB

(*) Trong đó, số liệu của khoản vay bằng ngoại tệ trong bảng trên dựa theo thuyết minh trên BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2024. Trong trường hợp sử dụng tỷ giá quy đổi tại thời điểm lập báo cáo theo tỷ giá bán của Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam, số liệu của khoản vay bằng ngoại tệ như sau (Bảng 02):

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024
Vay các tổ chức tín dụng khác bằng ngoại tệ (triệu đồng)	15.516.196	9.473.576

CÁC CHỈ TIÊU AN TOÀN TÀI CHÍNH, TỶ LỆ BẢO ĐẢM AN TOÀN VỐN THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT CHUYÊN NGÀNH ĐỐI VỚI NGÂN HÀNG (BẢNG 03)

STT	Chỉ tiêu	Căn cứ pháp lý	Quy định của NHNN	Năm 2023	Năm 2024
I	Tỷ lệ an toàn vốn theo quy định của pháp luật	Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024; Thông tư số 41/2016/TT-NHNN và các văn bản sửa đổi bổ sung	$\geq 8\%$	10,75% (Tuân thủ)	11,76% (Tuân thủ)
II	Tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn đã sử dụng để cho vay trung và dài hạn (%)	Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024; Thông tư 22/2019/TT-NHNN và các văn bản sửa đổi, bổ sung	$\leq 30\%$	26,10% (Tuân thủ)	26,92% (Tuân thủ)
III	Tỷ lệ mua, nắm giữ, đầu tư Trái phiếu Chính phủ, Trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh	Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024; Thông tư 22/2019/TT-NHNN và các văn bản sửa đổi, bổ sung	$\leq 30\%$	8,17% (Tuân thủ)	7,94% (Tuân thủ)
IV	Khả năng thanh khoản:	Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024; Thông			

STT	Chỉ tiêu	Căn cứ pháp lý	Quy định của NHNN	Năm 2023	Năm 2024
1	Tỷ lệ khả năng thanh toán ngay	tư 22/2019/TT-NHNN và các văn bản sửa đổi, bổ sung	$\geq 10\%$	16,67% (Tuân thủ)	13,48% (Tuân thủ)
2	Tỷ lệ khả năng chi trả trong vòng 30 ngày:				
	VND		Nếu dương $\geq 50\%$	87,35% (Tuân thủ)	80,50% (Tuân thủ)
	Ngoại tệ quy đổi VND		Nếu dương $\geq 10\%$	104,31% (Tuân thủ)	-267,83% (Tuân thủ)
V	Tỷ lệ cho vay trên tổng tiền gửi	Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024; Thông tư 22/2019/TT-NHNN và các văn bản sửa đổi, bổ sung	$\leq 85\%$	76,45% (Tuân thủ)	81,08% (Tuân thủ)
VI	Trạng thái ngoại tệ, vàng so với vốn tự có (VTC):				
1	Trạng thái vàng so với VTC	Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024; Thông tư 38/2012/TT-NHNN và các văn bản sửa đổi, bổ sung	$\leq 2\%$	0,0096% (Tuân thủ)	0,0045% (Tuân thủ)
2	Tổng trạng thái ngoại tệ so với VTC:	Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024; Thông tư 07/2012/TT-NHNN			
	Tổng trạng thái ngoại tệ dương so với VTC		$\leq 20\% $	0,65% (Tuân thủ)	1,78% (Tuân thủ)
	Tổng trạng thái ngoại tệ âm so với VTC		$\leq 20\% $	1,14% (Tuân thủ)	1,21% (Tuân thủ)
VII	Giới hạn góp vốn, mua cổ phần	Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024; Thông tư 22/2019/TT-NHNN và các văn bản sửa đổi, bổ sung	Thực hiện theo quy định	Tuân thủ	Tuân thủ
VIII	Hạn chế, giới hạn cấp tín dụng		Thực hiện theo quy định	Tuân thủ	Tuân thủ

Nguồn: BCTC hợp nhất được kiểm toán năm 2024 của MB

3. Ý kiến của kiểm toán đối với báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán đủ điều kiện:

Tổ chức kiểm toán: Công ty TNHH KPMG là tổ chức kiểm toán đủ điều kiện và không phải là người có liên quan đối với MB theo quy định của Luật Chứng Khoán và các văn bản hướng dẫn.

Ý kiến của Tổ chức kiểm toán:

- Đối với báo cáo tài chính hợp nhất: “Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2024,

kết quả hoạt động hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.”

- Đối với báo cáo tài chính riêng: “Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Ngân hàng cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.”

Chúng tôi cam kết chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về nội dung, tính chính xác, đầy đủ của thông tin công bố nêu trên./

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu: VT

**NGƯỜI LẬP BIỂU
TRƯỞNG PHÒNG KINH DOANH
TRÁI PHIẾU VÀ PHÁT HÀNH**

Phạm Hồng Quân

**NGÂN HÀNG TMCP QUÂN ĐỘI
KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Minh Châu

Tài liệu kèm theo:

- Báo cáo tài chính riêng năm năm 2024 được kiểm toán của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội
- Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2024 được kiểm toán của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội